



# Thời khóa biểu lớp

Buổi sáng  
Áp dụng từ ngày 04/11/2024

| Ngày  | Tiết | 6A1                               | 6A2                               | 6A3                               | 6A4                               | 6A5                               | 7A1                            | 7A2                            | 7A3                        | 7A4                             | 7A5                             | 7A6                            | 7A7                            | 8A1                        | 8A2                               | 8A3                         | 8A4                             | 8A5                               | 8A6                             | 9A1                                | 9A2                           | 9A3                           | 9A4                               | 9A5                            |
|-------|------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|
| Thứ 2 | 1    | HĐTN_CC (Khanh)                   | HĐTN_CC (Trình)                   | HĐTN_CC (Kim Yến)                 | HĐTN_CC (Thu Hương)               | HĐTN_CC (Thanh Nga)               | HĐTN_CC (Thảo Hiền)            | HĐTN_CC (Dung)                 | HĐTN_CC (Hằng)             | HĐTN_CC (Huế)                   | HĐTN_CC (Lê Lan)                | HĐTN_CC (Kim Nhung)            | HĐTN_CC (Liễu)                 | HĐTN_CC (Hậu)              | HĐTN_CC (Điệp)                    | HĐTN_CC (Duyên)             | HĐTN_CC (Hà Thúy)               | HĐTN_CC (Thanh Tú)                | HĐTN_CC (Vũ Thảo)               | HĐTN_CC (Thu Phương)               | HĐTN_CC (Tươi)                | HĐTN_CC (Đinh Phương)         | HĐTN_CC (Chu Nhung)               | HĐTN_CC (Hoàng Hương)          |
|       | 2    | Ngữ văn (Khanh)                   | Công nghệ (Trình)                 | Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương) | Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)   | Khoa học tự nhiên (Âu Hương)      | Ngữ văn (Kim Yến)              | Tiếng Anh (Quỳnh)              | Toán (Mai Nga)             | Công nghệ (Tuấn)                | Tiếng Anh (Đinh Phương)         | Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền) | Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)     | Giáo dục địa phương (Cần)  | Hoạt động trải nghiệm (Điệp)      | Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo) | Tiếng Anh (Hà Thúy)             | Hoạt động trải nghiệm (Thanh Tú)  | Toán (Huế)                      | Tin học (Thu Phương)               | Giáo dục công dân (Tươi)      | Giáo dục thể chất (Ngô Hương) | Hoạt động trải nghiệm (Chu Nhung) | Toán (Liễu)                    |
|       | 3    | Tiếng Anh (Hoàng Hương)           | Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương) | Toán (Thu Phương)                 | Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)   | Khoa học tự nhiên (Âu Hương)      | Ngữ văn (Kim Yến)              | Toán (Cần)                     | Toán (Mai Nga)             | Tiếng Anh (Thảo Hiền)           | Toán (Lê Lan)                   | Giáo dục thể chất (Ngô Hương)  | Khoa học tự nhiên (Thỏa)       | Toán (Hậu)                 | Ngữ văn (Điệp)                    | Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo) | Tiếng Anh (Hà Thúy)             | Ngữ văn (Thanh Tú)                | Toán (Huế)                      | Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)          | Toán (Kim Nhung)              | Công nghệ (Tuấn)              | Toán (Chu Nhung)                  | Toán (Liễu)                    |
|       | 4    | Khoa học tự nhiên (Âu Hương)      | Tin học (Huế)                     | Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)         | Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương) | Toán (Kim Nhung)                  | Giáo dục địa phương (Loan)     | Toán (Cần)                     | Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng) | Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo) | Toán (Lê Lan)                   | Khoa học tự nhiên (Biên)       | Khoa học tự nhiên (Thỏa)       | Tiếng Anh (Đinh Phương)    | Ngữ văn (Điệp)                    | Toán (Mai Nga)              | Giáo dục địa phương (Dung)      | Ngữ văn (Thanh Tú)                | Ngữ văn (Thu Hương)             | Toán (Thu Phương)                  | Giáo dục thể chất (Ngô Hương) | Khoa học tự nhiên (Khánh An)  | Toán (Chu Nhung)                  | Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền) |
|       | 5    | Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương) | Giáo dục công dân (Loan)          | Tiếng Anh (Quỳnh)                 | Ngữ văn (Thu Hương)               | Công nghệ (Trình)                 | Tiếng Anh (Thảo Hiền)          | Khoa học tự nhiên (Âu Hương)   | Tin học (Mai Nga)          | Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)  | Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo) | Toán (Kim Nhung)               | Công nghệ (Tuấn)               | Tiếng Anh (Đinh Phương)    | Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)       | Lịch sử và Địa lí 1 (Điệp)  | Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)       | Toán (Lê Lan)                     | Tiếng Anh (Hoàng Hương)         | Toán (Thu Phương)                  | Khoa học tự nhiên (Khánh An)  | Giáo dục công dân (Thanh Tú)  | Khoa học tự nhiên (Biên)          | Tin học (Cần)                  |
| Thứ 3 | 1    | Giáo dục thể chất (Đạt)           | Khoa học tự nhiên (Hải Yến)       | Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương) | Công nghệ (Trình)                 | Ngữ văn (Thanh Nga)               | Ngữ văn (Kim Yến)              | Tiếng Anh (Quỳnh)              | Toán (Mai Nga)             | Tiếng Anh (Thảo Hiền)           | Tiếng Anh (Đinh Phương)         | Tiếng Anh (Hà Thúy)            | Giáo dục địa phương (Cần)      | Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng) | Nghệ thuật 2 (Lương)              | Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo) | Ngữ văn (Tươi)                  | Công nghệ (Tuấn)                  | Ngữ văn (Thu Hương)             | Khoa học tự nhiên (Biên)           | Tin học (Thu Phương)          | Toán (Hậu)                    | Giáo dục thể chất (Ngô Hương)     | Giáo dục công dân (Thanh Tú)   |
|       | 2    | Ngữ văn (Khanh)                   | Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)   | Giáo dục thể chất (Đạt)           | Tin học (Cần)                     | Ngữ văn (Thanh Nga)               | Ngữ văn (Kim Yến)              | Khoa học tự nhiên (Âu Hương)   | Khoa học tự nhiên (Thỏa)   | Tiếng Anh (Thảo Hiền)           | Tiếng Anh (Đinh Phương)         | Tiếng Anh (Hà Thúy)            | Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền) | Nghệ thuật 2 (Lương)       | Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)         | Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo) | Công nghệ (Tuấn)                | Ngữ văn (Thanh Tú)                | Tin học (Mai Nga)               | Toán (Thu Phương)                  | Hoạt động trải nghiệm (Tươi)  | Toán (Hậu)                    | Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)        | Giáo dục thể chất (Ngô Hương)  |
|       | 3    | Toán (Chu Nhung)                  | Giáo dục thể chất (Đạt)           | Toán (Thu Phương)                 | Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)   | Khoa học tự nhiên (Âu Hương)      | Công nghệ (Trình)              | Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền) | Tiếng Anh (Quỳnh)          | Nghệ thuật 2 (Lương)            | Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)      | Khoa học tự nhiên (Biên)       | Tin học (Mai Nga)              | Ngữ văn (Kim Yến)          | Tiếng Anh (Thảo Hiền)             | Giáo dục công dân (Loan)    | Hoạt động trải nghiệm (Hà Thúy) | Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương) | Giáo dục địa phương (Thu Hương) | Giáo dục công dân (Thanh Tú)       | Ngữ văn (Tươi)                | Ngữ văn (Khanh)               | Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)         | Ngữ văn (Thanh Nga)            |
|       | 4    | Toán (Chu Nhung)                  | Toán (Trình)                      | Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)   | Ngữ văn (Thu Hương)               | Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương) | Giáo dục thể chất (Đắc Tú)     | Ngữ văn (Dung)                 | Tiếng Anh (Quỳnh)          | Tin học (Mai Nga)               | Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)  | Giáo dục địa phương (Cần)      | Khoa học tự nhiên (Thỏa)       | Tiếng Anh (Đinh Phương)    | Công nghệ (Tuấn)                  | Tiếng Anh (Hà Thúy)         | Giáo dục thể chất (Đạt)         | Khoa học tự nhiên (Âu Hương)      | Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)     | Tiếng Anh (Thảo Hiền)              | Ngữ văn (Tươi)                | Ngữ văn (Khanh)               | Khoa học tự nhiên (Biên)          | Ngữ văn (Thanh Nga)            |
|       | 5    | Khoa học tự nhiên (Âu Hương)      | Ngữ văn (Tươi)                    | Ngữ văn (Kim Yến)                 | Giáo dục công dân (Loan)          | Tiếng Anh (Đinh Phương)           | Toán (Hậu)                     | Công nghệ (Trình)              | Ngữ văn (Thanh Nga)        | Giáo dục địa phương (Cần)       | Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo) | Tin học (Mai Nga)              | Khoa học tự nhiên (Thỏa)       | Công nghệ (Tuấn)           | Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương) | Tiếng Anh (Hà Thúy)         | Toán (Chu Nhung)                | Toán (Lê Lan)                     | Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)     | Hoạt động trải nghiệm (Thu Phương) | Tiếng Anh (Thảo Hiền)         | Giáo dục địa phương (Dung)    | Nghệ thuật 2 (Lương)              | Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền) |
| Thứ 4 | 1    | Công nghệ (Trình)                 | Khoa học tự nhiên (Hải Yến)       | Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)         | Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương) | Giáo dục thể chất (Đạt)           | Khoa học tự nhiên (Âu Hương)   | Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền) | Tiếng Anh (Quỳnh)          | Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)      | Ngữ văn (Thanh Tú)              | Ngữ văn (Khanh)                | Tiếng Anh (Hoàng Hương)        | Toán (Hậu)                 | Ngữ văn (Điệp)                    | Ngữ văn (Duyên)             | Toán (Chu Nhung)                | Tin học (Mai Nga)                 | Công nghệ (Tuấn)                | Giáo dục thể chất (Ngô Hương)      | Ngữ văn (Tươi)                | Tin học (Thu Phương)          | Khoa học tự nhiên (Biên)          | Nghệ thuật 2 (Lương)           |
|       | 2    | Ngữ văn (Khanh)                   | Ngữ văn (Tươi)                    | Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)   | Giáo dục thể chất (Đạt)           | Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương) | Khoa học tự nhiên (Âu Hương)   | Tiếng Anh (Quỳnh)              | Khoa học tự nhiên (Thỏa)   | Ngữ văn (Duyên)                 | Công nghệ (Trình)               | Toán (Kim Nhung)               | Tiếng Anh (Hoàng Hương)        | Toán (Hậu)                 | Lịch sử và Địa lí 1 (Điệp)        | Nghệ thuật 2 (Lương)        | Tin học (Mai Nga)               | Toán (Lê Lan)                     | Toán (Huế)                      | Toán (Thu Phương)                  | Công nghệ (Tuấn)              | Giáo dục thể chất (Ngô Hương) | Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)    | Toán (Liễu)                    |
|       | 3    | Ngữ văn (Khanh)                   | Tiếng Anh (Hà Thúy)               | Giáo dục công dân (Loan)          | Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo)   | Ngữ văn (Thanh Nga)               | Toán (Hậu)                     | Tin học (Chu Nhung)            | Khoa học tự nhiên (Thỏa)   | Ngữ văn (Duyên)                 | Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền)  | Toán (Kim Nhung)               | Giáo dục thể chất (Ngô Hương)  | Ngữ văn (Kim Yến)          | Giáo dục thể chất (Đạt)           | Toán (Mai Nga)              | Nghệ thuật 2 (Lương)            | Toán (Lê Lan)                     | Toán (Huế)                      | Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)         | Ngữ văn (Tươi)                | Lịch sử và Địa lí 1 (Hải)     | Công nghệ (Tuấn)                  | Khoa học tự nhiên (Biên)       |
|       | 4    | Toán (Chu Nhung)                  | Lịch sử và Địa lí 2 (Thanh Hương) | Tiếng Anh (Quỳnh)                 | Toán (Liễu)                       | Toán (Kim Nhung)                  | Lịch sử và Địa lí 1 (Thu Hiền) | Toán (Cần)                     | Công nghệ (Trình)          | Khoa học tự nhiên (Nguyễn Thảo) | Giáo dục thể chất (Ngô Hương)   | Nghệ thuật 2 (Lương)           | Ngữ văn (Điệp)                 | Ngữ văn (Kim Yến)          | Khoa học tự nhiên (Vũ Thảo)       | Toán (Mai Nga)              | Khoa học tự nhiên (Thỏa)        | Khoa học tự nhiên (Âu Hương)      | Tiếng Anh (Hoàng Hương)         | Ngữ văn (Duyên)                    | Lịch sử và Địa lí 2 (Hằng)    | Khoa học tự nhiên (Khánh An)  | Khoa học tự nhiên (Biên)          | Ngữ văn (Thanh Nga)            |

| Ngày  | Tiết | 6A1                                        | 6A2                                      | 6A3                                      | 6A4                             | 6A5                                | 7A1                                  | 7A2                                | 7A3                                    | 7A4                                      | 7A5                                      | 7A6                                  | 7A7                                  | 8A1                                    | 8A2                                        | 8A3                                        | 8A4                                        | 8A5                                        | 8A6                                   | 9A1                                        | 9A2                                    | 9A3                                          | 9A4                                        | 9A5                                          |
|-------|------|--------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------|
|       | 5    | Toán<br>(Chu Nhung)                        | Toán<br>(Trinh)                          | Tiếng Anh<br>(Quỳnh)                     | Toán<br>(Liểu)                  | Toán<br>(Kim Nhung)                | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Hằng)     | Giáo dục địa<br>phương<br>(Dung)   | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Thu Hiền)   | Toán<br>(Huế)                            | Nghệ thuật 2<br>(Lương)                  | Tiếng Anh<br>(Hà Thúy)               | Ngữ văn<br>(Điệp)                    | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Thỏa)         | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Vũ Thảo)          | Công nghệ<br>(Tuấn)                        | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Thanh<br>Hường) | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Âu Hường)         | Giáo dục<br>công dân<br>(Loan)        | Ngữ văn<br>(Duyên)                         | Giáo dục địa<br>phương<br>(Tươi)       | Toán<br>(Hậu)                                | Tin học<br>(Cần)                           | Tiếng Anh<br>(Hoàng<br>Hương)                |
| Thứ 5 | 1    | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Hải)            | Toán<br>(Trinh)                          | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Nguyễn<br>Thảo) | Nghệ thuật 1<br>(Luyện<br>Hạnh) | Tin học<br>(Kim Nhung)             | Tiếng Anh<br>(Thảo Hiền)             | Toán<br>(Cần)                      | Giáo dục thể<br>chất<br>(Ngô<br>Hương) | Toán<br>(Huế)                            | Ngữ văn<br>(Thanh Tú)                    | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Biên)       | Ngữ văn<br>(Điệp)                    | Giáo dục<br>công dân<br>(Loan)         | Giáo dục địa<br>phương<br>(Thu Hiền)       | Toán<br>(Mai Nga)                          | Giáo dục thể<br>chất<br>(Đạt)              | Nghệ thuật 2<br>(Lương)                    | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Hằng)      | Ngữ văn<br>(Duyên)                         | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Khánh An)     | Tiếng Anh<br>(Đinh<br>Phương)                | Ngữ văn<br>(Thu Hường)                     | Toán<br>(Liểu)                               |
|       | 2    | Giáo dục<br>công dân<br>(Loan)             | Toán<br>(Trinh)                          | Tin học<br>(Kim Nhung)                   | Ngữ văn<br>(Thu Hường)          | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Hải)    | Tiếng Anh<br>(Thảo Hiền)             | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Âu Hường) | Giáo dục địa<br>phương<br>(Dung)       | Toán<br>(Huế)                            | Giáo dục địa<br>phương<br>(Cần)          | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Biên)       | Tiếng Anh<br>(Hoàng<br>Hương)        | Nghệ thuật 1<br>(Luyện<br>Hạnh)        | Ngữ văn<br>(Điệp)                          | Tin học<br>(Mai Nga)                       | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Thỏa)             | Giáo dục địa<br>phương<br>(Thanh Tú)       | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Hằng)      | Công nghệ<br>(Tuấn)                        | Giáo dục thể<br>chất<br>(Ngô<br>Hương) | Nghệ thuật 2<br>(Lương)                      | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Thu Hiền)       | Ngữ văn<br>(Thanh Nga)                       |
|       | 3    | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Thanh<br>Hường) | Nghệ thuật 1<br>(Luyện<br>Hạnh)          | Công nghệ<br>(Trinh)                     | Ngữ văn<br>(Thu Hường)          | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Âu Hường) | Toán<br>(Hậu)                        | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Dung)   | Ngữ văn<br>(Thanh Nga)                 | Giáo dục thể<br>chất<br>(Ngô<br>Hương)   | Tin học<br>(Mai Nga)                     | Ngữ văn<br>(Khanh)                   | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Thu Hiền) | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Hằng)       | Tiếng Anh<br>(Thảo Hiền)                   | Giáo dục thể<br>chất<br>(Đạt)              | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Thỏa)             | Tiếng Anh<br>(Đinh<br>Phương)              | Nghệ thuật 2<br>(Lương)               | Giáo dục địa<br>phương<br>(Nguyễn<br>Thảo) | Công nghệ<br>(Tuấn)                    | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Khánh An)           | Giáo dục<br>công dân<br>(Thanh Tú)         | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Biên)               |
|       | 4    | Tin học<br>(Huế)                           | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Hải)          | Ngữ văn<br>(Kim Yến)                     | Tiếng Anh<br>(Hoàng<br>Hương)   | Nghệ thuật 1<br>(Luyện<br>Hạnh)    | Toán<br>(Hậu)                        | Ngữ văn<br>(Dung)                  | Nghệ thuật 2<br>(Lương)                | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Nguyễn<br>Thảo) | Toán<br>(Lê Lan)                         | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Thu Hiền) | Toán<br>(Liểu)                       | Hoạt động<br>trải nghiệm<br>(Khánh An) | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Thanh<br>Hường) | Hoạt động<br>trải nghiệm<br>(Duyên)        | Giáo dục<br>công dân<br>(Loan)             | Tiếng Anh<br>(Đinh<br>Phương)              | Giáo dục thể<br>chất<br>(Đạt)         | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Điệp)           | Toán<br>(Kim Nhung)                    | Ngữ văn<br>(Khanh)                           | Tiếng Anh<br>(Hà Thúy)                     | Công nghệ<br>(Tuấn)                          |
|       | 5    | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Âu Hường)         | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Nguyễn<br>Thảo) | HĐTN_SH<br>(Kim Yến)                     | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Hải) | Giáo dục<br>công dân<br>(Loan)     | HĐTN_SH<br>(Thảo Hiền)               | Nghệ thuật 2<br>(Lương)            | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Thỏa)         | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Thu Hiền)     | Toán<br>(Lê Lan)                         | Toán<br>(Kim Nhung)                  | Toán<br>(Liểu)                       | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Điệp)       | Tin học<br>(Mai Nga)                       | Ngữ văn<br>(Duyên)                         | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Thanh<br>Hường) | Ngữ văn<br>(Thanh Tú)                      | Hoạt động<br>trải nghiệm<br>(Vũ Thảo) | HĐTN_SH<br>(Thu<br>Phương)                 | Nghệ thuật 1<br>(Luyện<br>Hạnh)        | Công nghệ<br>(Tuấn)                          | Tiếng Anh<br>(Hà Thúy)                     | Tiếng Anh<br>(Hoàng<br>Hương)                |
| Thứ 6 | 1    | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Âu Hường)         | Tiếng Anh<br>(Hà Thúy)                   | Toán<br>(Thu<br>Phương)                  | Tiếng Anh<br>(Hoàng<br>Hương)   | Toán<br>(Kim Nhung)                | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Thu Hiền) | Giáo dục thể<br>chất<br>(Đắc Tú)   | Toán<br>(Mai Nga)                      | Ngữ văn<br>(Duyên)                       | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Nguyễn<br>Thảo) | Công nghệ<br>(Tuấn)                  | Toán<br>(Liểu)                       | Ngữ văn<br>(Kim Yến)                   | Toán<br>(Huế)                              | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Thanh<br>Hường) | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Thỏa)             | Giáo dục thể<br>chất<br>(Đạt)              | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Vũ Thảo)     | Giáo dục thể<br>chất<br>(Ngô<br>Hương)     | Nghệ thuật 2<br>(Lương)                | Tiếng Anh<br>(Đinh<br>Phương)                | Ngữ văn<br>(Thu Hường)                     | Nghệ thuật 1<br>(Luyện<br>Hạnh)              |
|       | 2    | Nghệ thuật 1<br>(Luyện<br>Hạnh)            | Tiếng Anh<br>(Hà Thúy)                   | Toán<br>(Thu<br>Phương)                  | Tiếng Anh<br>(Hoàng<br>Hương)   | Ngữ văn<br>(Thanh Nga)             | Tin học<br>(Chu Nhung)               | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Âu Hường) | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Thu Hiền)   | Ngữ văn<br>(Duyên)                       | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Nguyễn<br>Thảo) | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Dung)     | Toán<br>(Liểu)                       | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Thỏa)         | Toán<br>(Huế)                              | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Thanh<br>Hường) | Ngữ văn<br>(Tươi)                          | Tiếng Anh<br>(Đinh<br>Phương)              | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Vũ Thảo)     | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Điệp)           | Toán<br>(Kim Nhung)                    | Ngữ văn<br>(Khanh)                           | Công nghệ<br>(Tuấn)                        | Giáo dục thể<br>chất<br>(Ngô<br>Hương)       |
|       | 3    | Tiếng Anh<br>(Hoàng<br>Hương)              | Ngữ văn<br>(Tươi)                        | Ngữ văn<br>(Kim Yến)                     | Toán<br>(Liểu)                  | Tiếng Anh<br>(Đinh<br>Phương)      | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Âu Hường)   | Ngữ văn<br>(Dung)                  | Ngữ văn<br>(Thanh Nga)                 | Toán<br>(Huế)                            | Ngữ văn<br>(Thanh Tú)                    | Ngữ văn<br>(Khanh)                   | Ngữ văn<br>(Điệp)                    | Toán<br>(Hậu)                          | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Vũ Thảo)          | Giáo dục thể<br>chất<br>(Đạt)              | Toán<br>(Chu Nhung)                        | Giáo dục<br>công dân<br>(Loan)             | Ngữ văn<br>(Thu Hường)                | Nghệ thuật 2<br>(Lương)                    | Toán<br>(Kim Nhung)                    | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Thanh<br>Hường)   | Giáo dục địa<br>phương<br>(Nguyễn<br>Thảo) | Công nghệ<br>(Tuấn)                          |
|       | 4    | Tiếng Anh<br>(Hoàng<br>Hương)              | Ngữ văn<br>(Tươi)                        | Ngữ văn<br>(Kim Yến)                     | Toán<br>(Liểu)                  | Tiếng Anh<br>(Đinh<br>Phương)      | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Âu Hường)   | Ngữ văn<br>(Dung)                  | Ngữ văn<br>(Thanh Nga)                 | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Nguyễn<br>Thảo) | Ngữ văn<br>(Thanh Tú)                    | Ngữ văn<br>(Khanh)                   | Nghệ thuật 2<br>(Lương)              | Giáo dục thể<br>chất<br>(Đạt)          | Giáo dục<br>công dân<br>(Loan)             | Tiếng Anh<br>(Hà Thúy)                     | Toán<br>(Chu Nhung)                        | Nghệ thuật 1<br>(Luyện<br>Hạnh)            | Ngữ văn<br>(Thu Hường)                | Công nghệ<br>(Tuấn)                        | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Thu Hiền)   | Toán<br>(Hậu)                                | Giáo dục thể<br>chất<br>(Ngô<br>Hương)     | Giáo dục địa<br>phương<br>(Duyên)            |
|       | 5    | HĐTN_SH<br>(Khanh)                         | HĐTN_SH<br>(Trinh)                       | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Nguyễn<br>Thảo) | HĐTN_SH<br>(Thu Hường)          | HĐTN_SH<br>(Thanh Nga)             | Nghệ thuật 2<br>(Lương)              | HĐTN_SH<br>(Dung)                  | HĐTN_SH<br>(Hằng)                      | HĐTN_SH<br>(Huế)                         | HĐTN_SH<br>(Lê Lan)                      | HĐTN_SH<br>(Kim Nhung)               | HĐTN_SH<br>(Liểu)                    | HĐTN_SH<br>(Hậu)                       | HĐTN_SH<br>(Điệp)                          | HĐTN_SH<br>(Duyên)                         | HĐTN_SH<br>(Hà Thúy)                       | HĐTN_SH<br>(Thanh Tú)                      | HĐTN_SH<br>(Vũ Thảo)                  | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Biên)             | HĐTN_SH<br>(Tươi)                      | HĐTN_SH<br>(Đinh<br>Phương)                  | HĐTN_SH<br>(Chu Nhung)                     | HĐTN_SH<br>(Hoàng<br>Hương)                  |
| Thứ 7 | 1    |                                            |                                          |                                          |                                 |                                    |                                      |                                    |                                        |                                          |                                          |                                      |                                      | Giáo dục thể<br>chất<br>(Đạt)          | Toán<br>(Huế)                              | Ngữ văn<br>(Duyên)                         | Ngữ văn<br>(Tươi)                          | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Âu Hường)         | Nghệ thuật 1<br>(Luyện<br>Hạnh)       | Tiếng Anh<br>(Thảo Hiền)                   | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Thu Hiền)   | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Hải)              | Ngữ văn<br>(Thu Hường)                     | Tiếng Anh<br>(Hoàng<br>Hương)                |
|       | 2    |                                            |                                          |                                          |                                 |                                    |                                      |                                    |                                        |                                          |                                          |                                      |                                      | Tin học<br>(Mai Nga)                   | Toán<br>(Huế)                              | Ngữ văn<br>(Duyên)                         | Ngữ văn<br>(Tươi)                          | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Hải)            | Giáo dục thể<br>chất<br>(Đạt)         | Tiếng Anh<br>(Thảo Hiền)                   | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Khánh An)     | Nghệ thuật 1<br>(Luyện<br>Hạnh)              | Ngữ văn<br>(Thu Hường)                     | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Biên)               |
|       | 3    |                                            |                                          |                                          |                                 |                                    |                                      |                                    |                                        |                                          |                                          |                                      |                                      | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Thỏa)         | Tiếng Anh<br>(Thảo Hiền)                   | Nghệ thuật 1<br>(Luyện<br>Hạnh)            | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Hải)            | Giáo dục thể<br>chất<br>(Đạt)              | Tiếng Anh<br>(Hoàng<br>Hương)         | Ngữ văn<br>(Duyên)                         | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Khánh An)     | Hoạt động<br>trải nghiệm<br>(Đinh<br>Phương) | Toán<br>(Chu Nhung)                        | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Biên)               |
|       | 4    |                                            |                                          |                                          |                                 |                                    |                                      |                                    |                                        |                                          |                                          |                                      |                                      | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Thỏa)         | Giáo dục thể<br>chất<br>(Đạt)              | Giáo dục địa<br>phương<br>(Duyên)          | Tiếng Anh<br>(Hà Thúy)                     | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Thanh<br>Hường) | Lịch sử và<br>Địa lí 1<br>(Hải)       | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Biên)             | Tiếng Anh<br>(Thảo Hiền)               | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Khánh An)           | Toán<br>(Chu Nhung)                        | Hoạt động<br>trải nghiệm<br>(Hoàng<br>Hương) |
|       | 5    |                                            |                                          |                                          |                                 |                                    |                                      |                                    |                                        |                                          |                                          |                                      |                                      |                                        |                                            |                                            |                                            |                                            |                                       | Khoa học tự<br>nhiên<br>(Biên)             | Tiếng Anh<br>(Thảo Hiền)               | Tiếng Anh<br>(Đinh<br>Phương)                | Tiếng Anh<br>(Hà Thúy)                     | Lịch sử và<br>Địa lí 2<br>(Thanh<br>Hường)   |

Thời khóa biểu lớp

Buổi chiều  
Áp dụng từ ngày 04/11/2024

| Ngày  | Tiết | 6A1                               | 6A2                           | 6A3                             | 6A4                                    | 6A5                      | 7A1                               | 7A2                          | 7A3                                  | 7A4                                     | 7A5                           | 7A6                               | 7A7                           | 8A1                      | 8A2                    | 8A3                  | 8A4                  | 8A5                      | 8A6                      | 9A1                    | 9A2                    | 9A3                       | 9A4                      | 9A5                       |
|-------|------|-----------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Thứ 2 | 1    | Giáo dục địa phương (Kim Yến)     | - Tuần chuẩn học STEM         | Toán* (Thu Phương)              | Toán* (Liễu)                           | KHXXH_Thê m (Hải)        | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)                | KHXXH_Thê m (Dung)           | Ngữ văn* (Thanh Nga)                 | Giáo dục công dân (Loan)                | Giáo dục thể chất (Ngô Hương) | Ngữ văn* (Khanh)                  | Hoạt động trải nghiệm (Thỏa)  | Toán* (Hậu)              | Tiếng Anh* (Thảo Hiền) | KHTN_Thêm (Vũ Thảo)  | Tiếng Anh BM (Gv_BM) | Toán* (Lê Lan)           | Ngữ văn* (Thu Hường)     | KHTN_Thêm (Biên)       | KHXXH_Thê m (Hằng)     | Tiếng Anh* (Đinh Phương)  | Toán* (Chu Nhung)        | KHXXH_Thê m (Thanh Hường) |
|       | 2    | Tiếng Anh* (Hoàng Hương)          | Tiếng Anh* (Hà Thúy)          | Kỹ năng sống (Kim Yến)          | KHTN_Thêm (Nguyễn Thảo)                | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)       | KHXXH_Thê m (Hằng)                | Hoạt động trải nghiệm (Dung) | Ngữ văn* (Thanh Nga)                 | Giáo dục thể chất (Ngô Hương)           | Giáo dục công dân (Loan)      | Ngữ văn* (Khanh)                  | ISMART (Gv_Ismart)            | Tiếng Anh* (Đinh Phương) | Toán* (Huế)            | Tiếng Anh BM (Gv_BM) | KHXXH_Thê m (Hải)    | Toán* (Lê Lan)           | Ngữ văn* (Thu Hường)     | Toán* (Thu Phương)     | Tiếng Anh* (Thảo Hiền) | KHXXH_Thê m (Thanh Hường) | KHTN_Thêm (Biên)         | Toán* (Liễu)              |
|       | 3    | Ngữ văn* (Khanh)                  | KHTN_Thêm (Nguyễn Thảo)       | - Tuần lễ học STEM (Gv_Stem)    | - Tuần chuẩn học STEM                  | ISMART (Gv_Ismart)       | Toán* (Hậu)                       | Giáo dục công dân (Loan)     | Giáo dục thể chất (Ngô Hương)        | Ngữ văn* (Duyên)                        | Toán* (Lê Lan)                | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)                | Toán* (Liễu)                  | BD_Văn (Kim Yến)         | Tiếng Anh BM (Gv_BM)   | Tiếng Anh* (Hà Thúy) | BD_Toán (Chu Nhung)  | KHTN_Thêm (Âu Hường)     | Toán* (Huế)              | Tiếng Anh* (Thảo Hiền) | Ngữ văn* (Tươi)        | BD_Anh (Đinh Phương)      | KHXXH_Thê m (Hằng)       | Ngữ văn* (Thanh Nga)      |
|       | 4    |                                   | Tiếng Anh BM (Gv_BM)          |                                 | - Tuần lễ học Tiếng Anh* (Hoàng Hương) |                          |                                   |                              |                                      |                                         |                               |                                   |                               |                          |                        |                      |                      |                          |                          | BD_Anh (Thảo Hiền)     | BD_Văn (Tươi)          |                           | BD_Anh (Hà Thúy)         |                           |
|       | 5    |                                   |                               |                                 |                                        |                          |                                   |                              |                                      |                                         |                               |                                   |                               |                          |                        |                      |                      |                          |                          |                        |                        |                           |                          |                           |
| Thứ 3 | 1    | Ngữ văn* (Khanh)                  | Nghệ thuật 2 (Lương)          | KHTN_Thêm (Nguyễn Thảo)         | KHXXH_Thê m (Hải)                      | Ngữ văn* (Thanh Nga)     | Tiếng Anh BM (Gv_BM)              | ISMART (Gv_Ismart)           | Tiếng Anh* (Quỳnh)                   | KHXXH_Thê m (Hằng)                      | Tiếng Anh* (Đinh Phương)      | Hoạt động trải nghiệm (Kim Nhung) | Ngữ văn* (Điệp)               | Ngữ văn* (Kim Yến)       | KHTN_Thêm (Vũ Thảo)    | Toán* (Mai Nga)      | Toán* (Chu Nhung)    | Ngữ văn* (Thanh Tú)      | Ngữ văn* (Thu Hường)     | Ngữ văn* (Duyên)       | Tiếng Anh* (Thảo Hiền) | KHTN_Thêm (Khánh An)      | Tiếng Anh* (Hà Thúy)     | Toán* (Liễu)              |
|       | 2    | Nghệ thuật 2 (Lương)              | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)            | Tiếng Anh* (Quỳnh)              | Hoạt động trải nghiệm (Thu Hường)      | Ngữ văn* (Thanh Nga)     | ISMART (Gv_Ismart)                | Tiếng Anh BM (Gv_BM)         | Toán* (Mai Nga)                      | KHTN_Thêm (Nguyễn Thảo)                 | Ngữ văn* (Thanh Tú)           | Tiếng Anh* (Hà Thúy)              | Ngữ văn* (Điệp)               | Ngữ văn* (Kim Yến)       | Tiếng Anh* (Thảo Hiền) | Kỹ năng sống (Duyên) | Ngữ văn* (Tươi)      | KHXXH_Thê m (Hải)        | Toán* (Huế)              | KHXXH_Thê m (Hằng)     | Toán* (Kim Nhung)      | Toán* (Hậu)               | Kỹ năng sống (Chu Nhung) | Toán* (Liễu)              |
|       | 3    | Toán* (Chu Nhung)                 | KHXXH_Thê m (Hải)             |                                 | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)                     | Tiếng Anh* (Đinh Phương) | Hoạt động trải nghiệm (Thảo Hiền) | Tiếng Anh* (Quỳnh)           |                                      |                                         | KHXXH_Thê m (Hằng)            | ISMART (Gv_Ismart)                | Toán* (Liễu)                  | Tiếng Anh BM (Gv_BM)     | BD_Văn (Điệp)          | BD_Anh (Hà Thúy)     | Ngữ văn* (Tươi)      | BD_Văn (Thanh Tú)        | BD_Toán (Huế)            | BD_Văn (Duyên)         | Toán* (Kim Nhung)      | Toán* (Hậu)               | Ngữ văn* (Thu Hường)     | Ngữ văn* (Thanh Nga)      |
|       | 4    |                                   |                               |                                 |                                        |                          |                                   |                              |                                      |                                         |                               |                                   |                               |                          |                        |                      |                      |                          |                          |                        | BD_Anh (Thảo Hiền)     |                           |                          |                           |
|       | 5    |                                   |                               |                                 |                                        |                          |                                   |                              |                                      |                                         |                               |                                   |                               |                          |                        |                      |                      |                          |                          |                        |                        |                           |                          |                           |
| Thứ 4 | 1    | KHXXH_Thê m (Hải)                 | Toán* (Trinh)                 | Hoạt động trải nghiệm (Kim Yến) | Giáo dục thể chất (Đạt)                | KHTN_Thêm (Âu Hường)     | Giáo dục thể chất (Đắc Tú)        | Toán* (Cần)                  | Hoạt động trải nghiệm (Hằng)         | Hoạt động trải nghiệm (Huế)             | Ngữ văn* (Thanh Tú)           | Giáo dục công dân (Loan)          | Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh)     | Kỹ năng sống (Hậu)       | Ngữ văn* (Điệp)        | Tiếng Anh* (Hà Thúy) | Ngữ văn* (Tươi)      | Tiếng Anh* (Đinh Phương) | Tiếng Anh* (Hoàng Hương) | Ngữ văn* (Duyên)       | Toán* (Kim Nhung)      | Ngữ văn* (Khanh)          | Toán* (Chu Nhung)        | Ngữ văn* (Thanh Nga)      |
|       | 2    | Hoạt động trải nghiệm (Thanh Nga) | Toán* (Trinh)                 | Giáo dục địa phương (Kim Yến)   | Giáo dục địa phương (Thu Hường)        | Nghệ thuật 2 (Lương)     | Giáo dục công dân (Loan)          | Toán* (Cần)                  | - Tuần lễ học STEM                   | - Tuần chuẩn học STEM                   | Kỹ năng sống (Lê Lan)         | Giáo dục thể chất (Ngô Hương)     | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)            | Tiếng Anh* (Đinh Phương) | Toán* (Huế)            | KHXXH_Thê m (Điệp)   | Tiếng Anh* (Hà Thúy) | Kỹ năng sống (Thanh Tú)  | KHXXH_Thê m (Hải)        | Toán* (Thu Phương)     | Ngữ văn* (Tươi)        | Ngữ văn* (Khanh)          | Toán* (Chu Nhung)        | Tiếng Anh* (Hoàng Hương)  |
|       | 3    | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)                | Hoạt động trải nghiệm (Trinh) | KHXXH_Thê m (Hải)               | Nghệ thuật 2 (Lương)                   | Giáo dục thể chất (Đạt)  | Ngữ văn* (Kim Yến)                | KHTN_Thêm (Âu Hường)         | - Tuần chuẩn học Kỹ năng sống (Hằng) | - Tuần lễ học Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh) |                               | Toán* (Kim Nhung)                 | Giáo dục thể chất (Ngô Hương) | KHXXH_Thê m (Điệp)       | BD_Toán (Huế)          | BD_Văn (Duyên)       | BD_Văn (Tươi)        | BD_Toán (Lê Lan)         | BD_Anh (Hoàng Hương)     | Toán* (Thu Phương)     |                        | Toán* (Hậu)               | Ngữ văn* (Thu Hường)     | KHTN_Thêm (Biên)          |
|       | 4    |                                   |                               |                                 |                                        |                          |                                   |                              |                                      |                                         |                               |                                   |                               |                          |                        |                      |                      |                          |                          |                        |                        | BD_Toán (Hậu)             | BD_Văn (Thu Hường)       | BD_Văn (Thanh Nga)        |
|       | 5    |                                   |                               |                                 |                                        |                          |                                   |                              |                                      |                                         |                               |                                   |                               |                          |                        |                      |                      |                          |                          |                        |                        |                           |                          |                           |

| Ngày  | Tiết | 6A1                          | 6A2                         | 6A3                     | 6A4                  | 6A5                                                                    | 7A1                                                              | 7A2                                                              | 7A3                       | 7A4                    | 7A5                                                              | 7A6                       | 7A7                      | 8A1                  | 8A2                 | 8A3               | 8A4                    | 8A5                      | 8A6                      | 9A1                       | 9A2                  | 9A3                        | 9A4                  | 9A5                        |
|-------|------|------------------------------|-----------------------------|-------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------|---------------------|-------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------|----------------------------|
| Thứ 5 | 1    | Giáo dục thể chất (Đạt)      | ISMART (Gv_Ismart)          | Ngữ văn* (Kim Yến)      | Ngữ văn* (Thu Hường) | Toán* (Kim Nhung)                                                      | - Tuần lễ học STEM<br>- Tuần chuẩn học Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh) | - Tuần chuẩn học STEM<br>- Tuần lễ học Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh) | Giáo dục công dân (Loan)  | Ngữ văn* (Duyên)       | Toán* (Lê Lan)                                                   | KHXXH_Thê m (Dung)        | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)       | Toán* (Hậu)          | Kỹ năng sống (Điệp) | Toán* (Mai Nga)   | Tiếng Anh* (Hà Thúy)   | Tiếng Anh BM (Gv_BM)     | Toán* (Huế)              | Tiếng Anh* (Thảo Hiền)    | Kỹ năng sống (Tươi)  | Kỹ năng sống (Đình Phương) | Toán* (Chu Nhung)    | Kỹ năng sống (Hoàng Hương) |
|       | 2    | ISMART (Gv_Ismart)           | Ngữ văn* (Tươi)             | Ngữ văn* (Kim Yến)      | Ngữ văn* (Thu Hường) | Toán* (Kim Nhung)                                                      |                                                                  |                                                                  | Toán* (Mai Nga)           | Tiếng Anh* (Thảo Hiền) | KHTN_Thêm (Nguyễn Thảo)                                          | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)        | Giáo dục công dân (Loan) | Toán* (Hậu)          | Toán* (Huế)         | Ngữ văn* (Duyên)  | Toán* (Chu Nhung)      | Toán* (Lê Lan)           | Tiếng Anh BM (Gv_BM)     | Kỹ năng sống (Thu Phương) | KHTN_Thêm (Khánh An) | Tiếng Anh* (Đình Phương)   | Tiếng Anh* (Hà Thúy) | Toán* (Liều)               |
|       | 3    | - Tuần lễ học STEM (Gv_Stem) | Giáo dục địa phương (Trinh) | Giáo dục thể chất (Đạt) | ISMART (Gv_Ismart)   | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)                                                     | Tiếng Anh* (Thảo Hiền)                                           | Ngữ văn* (Dung)                                                  | Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh) | Kỹ năng sống (Huế)     |                                                                  | Tiếng Anh BM (Gv_BM)      | Tiếng Anh* (Hoàng Hương) | BD_Toán (Hậu)        | KHXXH_Thê m (Điệp)  | Ngữ văn* (Duyên)  | BD_Anh (Hà Thúy)       | BD_Anh (Đình Phương)     | BD_Văn (Thu Hường)       | BD_Toán (Thu Phương)      |                      | BD_Văn (Khanh)             |                      | BD_Toán (Liều)             |
|       | 4    |                              |                             |                         |                      | Tiếng Anh BM (Gv_BM)                                                   | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)                                               |                                                                  |                           |                        |                                                                  |                           |                          |                      | BD_Anh (Thảo Hiền)  |                   |                        |                          |                          |                           |                      |                            |                      |                            |
|       | 5    |                              |                             |                         |                      |                                                                        |                                                                  |                                                                  |                           |                        |                                                                  |                           |                          |                      |                     |                   |                        |                          |                          |                           |                      |                            |                      |                            |
| Thứ 6 | 1    | KHTN_Thêm (Ấu Hường)         | Ngữ văn* (Tươi)             | Nghệ thuật 2 (Lương)    | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)   | - Tuần chuẩn học STEM<br>- Tuần lễ học Giáo dục địa phương (Thanh Nga) | Toán* (Hậu)                                                      | Giáo dục thể chất (Đắc Tú)                                       | KHXXH_Thê m (Hằng)        | Toán* (Huế)            | - Tuần lễ học STEM<br>- Tuần chuẩn học Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh) | KHTN_Thêm (Biên)          | Tiếng Anh BM (Gv_BM)     | KHTN_Thêm (Thỏa)     | Ngữ văn* (Điệp)     | Ngữ văn* (Duyên)  | Toán* (Chu Nhung)      | Tiếng Anh* (Đình Phương) | Tiếng Anh* (Hoàng Hương) | Toán* (Thu Phương)        | Toán* (Kim Nhung)    | Ngữ văn* (Khanh)           | Ngữ văn* (Thu Hường) | Ngữ văn* (Thanh Nga)       |
|       | 2    | Toán* (Chu Nhung)            | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)          | Toán* (Thu Phương)      | Tiếng Anh BM (Gv_BM) |                                                                        | KHTN_Thêm (Ấu Hường)                                             | Ngữ văn* (Dung)                                                  | KHTN_Thêm (Thỏa)          | Toán* (Huế)            |                                                                  | Toán* (Kim Nhung)         | KHXXH_Thê m (Hằng)       | Ngữ văn* (Kim Yến)   | Ngữ văn* (Điệp)     | Toán* (Mai Nga)   | Kỹ năng sống (Hà Thúy) | Ngữ văn* (Thanh Tú)      | Kỹ năng sống (Vũ Thảo)   | Ngữ văn* (Duyên)          | Ngữ văn* (Tươi)      | Ngữ văn* (Khanh)           | Ngữ văn* (Thu Hường) | Tiếng Anh* (Hoàng Hương)   |
|       | 3    | Tiếng Hàn (Gv_Hàn)           | Giáo dục thể chất (Đạt)     | Tiếng Anh BM (Gv_BM)    | Toán* (Liều)         | Hoạt động trải nghiệm (Thanh Nga)                                      | Ngữ văn* (Kim Yến)                                               | Kỹ năng sống (Dung)                                              |                           |                        | Hoạt động trải nghiệm (Cần)                                      | Nghệ thuật 1 (Luyện Hạnh) | STEM (Gv_Stem)           | BD_Anh (Đình Phương) |                     | BD_Toán (Mai Nga) | KHTN_Thêm (Thỏa)       | Ngữ văn* (Thanh Tú)      | KHTN_Thêm (Vũ Thảo)      | Ngữ văn* (Duyên)          | Ngữ văn* (Tươi)      | Toán* (Hậu)                | BD_Toán (Chu Nhung)  | BD_Anh (Hoàng Hương)       |
|       | 4    | Tiếng Anh BM (Gv_BM)         |                             |                         |                      |                                                                        |                                                                  |                                                                  |                           |                        |                                                                  | STEM (Gv_Stem)            | KHTN_Thêm (Thỏa)         |                      |                     |                   |                        |                          |                          |                           | BD_Toán (Kim Nhung)  |                            |                      |                            |
|       | 5    |                              |                             |                         |                      |                                                                        |                                                                  |                                                                  |                           |                        |                                                                  |                           |                          |                      |                     |                   |                        |                          |                          |                           |                      |                            |                      |                            |
| Thứ 7 | 1    |                              |                             |                         |                      |                                                                        |                                                                  |                                                                  |                           |                        |                                                                  |                           |                          |                      |                     |                   |                        |                          |                          |                           |                      |                            |                      |                            |
|       | 2    |                              |                             |                         |                      |                                                                        |                                                                  |                                                                  |                           |                        |                                                                  |                           |                          |                      |                     |                   |                        |                          |                          |                           |                      |                            |                      |                            |
|       | 3    |                              |                             |                         |                      |                                                                        |                                                                  |                                                                  |                           |                        |                                                                  |                           |                          |                      |                     |                   |                        |                          |                          |                           |                      |                            |                      |                            |
|       | 4    |                              |                             |                         |                      |                                                                        |                                                                  |                                                                  |                           |                        |                                                                  |                           |                          |                      |                     |                   |                        |                          |                          |                           |                      |                            |                      |                            |
|       | 5    |                              |                             |                         |                      |                                                                        |                                                                  |                                                                  |                           |                        |                                                                  |                           |                          |                      |                     |                   |                        |                          |                          |                           |                      |                            |                      |                            |

Môn chuyên đề: